

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường Tiểu học Thạch Bàn A được thành lập ngày 23 tháng 4 năm 2015 theo quyết định số 2342/QĐ-CTUBND của UBND quận Long Biên, được tách ra từ trường Tiểu học Thạch Bàn. Trước đó, trường Tiểu học Thạch Bàn được tách ra từ trường Phổ thông cấp I, II xã Thạch Bàn và được thành lập từ năm 1996.

Trường nằm trên địa bàn tổ dân phố số 10 phường Thạch Bàn - Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội. Tổng diện tích mặt bằng của trường là 7708m². Trường được đầu tư cơ sở vật chất khang trang, có đủ các phòng học và phòng chức năng, phòng Truyền thống, Đoàn đội, ... phục vụ dạy và học. Môi trường giáo dục lành mạnh, cảnh quan sư phạm nhà trường luôn được quan tâm giữ gìn, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác giáo dục.

Hệ thống tổ chức của nhà trường gồm: cấp ủy, công đoàn, đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đủ về số lượng, được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức trách nhiệm, tâm huyết với nghề nghiệp. Nhà trường có một số đồng chí liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trong nhiều năm; có nhiều CB-GV-NV giỏi cấp quận.

Chất lượng HS đại trà ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học ở các năm đều đạt 100%. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đều đạt kết quả tốt. Học sinh đạt nhiều giải ở các cuộc thi quốc tế, quốc gia và cấp thành phố.

Trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ, quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; nội quy, quy định của ngành. Các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường được xây dựng thành một khối đoàn kết, thống nhất cao. Kỷ cương trường học luôn được coi trọng và thực hiện nghiêm túc mọi lúc, mọi nơi.

Công tác thu chi tài chính được nhà trường hết sức quan tâm, thực hiện đúng, đủ theo quy định, đảm bảo chế độ công khai tài chính trong nhà trường. Nguồn tài chính từ ngân sách cấp được quản lý đúng quy định, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho CB-GV-NV. Các nguồn thu hợp pháp như tiền học 2 buổi/ngày, ... được nhà trường thu đúng, đủ, sử dụng đúng mục đích góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Vấn đề quản lý chất lượng giáo dục luôn được coi trọng. Ban giám hiệu, các tổ khối chuyên môn, đoàn thể, cá nhân đều nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, xây dựng kế hoạch phù hợp với thực tiễn. Việc sinh hoạt tổ khối chuyên môn ngày càng được nâng cao về chất lượng. Trong thời gian qua, nhà trường đã tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá HS theo Thông tư 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 Thông tư ban hành quy định đánh giá HS tiểu học đảm bảo công bằng, khách quan, khuyến khích HS tích cực, chủ động trong học tập và rèn luyện. Nhà trường tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên, khuyến khích sử dụng hợp lý giáo án điện tử, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện các thí nghiệm, thực hành và liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học. Đến nay, 100% GV đã ứng dụng hiệu quả CNTT vào giảng dạy, nâng cao chất lượng chuyên môn. Nhà trường luôn chú trọng bồi dưỡng HS có năng khiếu; tập trung giúp đỡ HS gặp khó khăn trong học tập. Nhà trường căn cứ vào chuẩn kiến thức kỹ năng làm cơ sở để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS đảm bảo nghiêm túc và khách quan.

Nhà trường luôn quan tâm tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động từ thiện như: xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, quỹ vì người nghèo, tham gia hiến máu nhân đạo, nhận đỡ đầu 01 học sinh có hoàn cảnh khó khăn, 01 nạn nhân chất độc màu da cam và nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

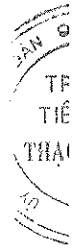
Năm học 2023- 2024, toàn trường có 1031 học sinh. Số lượng học sinh hằng năm tăng dần. Năm học 2024- 2025 toàn trường có 1125 học sinh.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, của ngành Giáo dục và Đào tạo Long Biên.

Sau 9 năm thành lập, trường Tiểu học Thạch Bàn A đã không ngừng phấn đấu vươn lên để khẳng định chất lượng giáo dục của nhà trường. Đến nay, trường Tiểu học Thạch Bàn A đã tạo được sự tin nhiệm đối với cha mẹ học sinh. Trong năm học 2023-2024 nhà trường đã đạt được những thành tích sau:

*** Về tập thể:**

- Chi bộ trong hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Tập thể Lao động tiên tiến cấp quận
- Thể dục thể thao tiên tiến cấp quận
- Công đoàn tốt hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Liên đội tốt hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Chữ thập đỏ Xuất sắc cấp Quận.
- Y tế học đường XL Xuất sắc;
- Thư viện đạt thư viện Mức độ 1.



- Trường được UBND phường Thạch Bàn khen tặng “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua”.

- Trường đạt danh hiệu “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiêu biểu” năm 2023.

*** Về giáo viên:**

- Duy trì tốt công tác bồi dưỡng chất lượng đội ngũ.

- 05 đ/c có SKKN công nhận cấp Quận.

- 01 đ/c đạt giải Ba GV dạy giỏi cấp Quận (Đ/c Trịnh Thu Trang- GVCN lớp 4A1).

- 01 đ/c đạt giải Nhất bài giảng E-learning cấp Quận (Đ/c Hoàng Thị Ngọc Ánh – GVCN lớp 2A2).

- 01 đ/c đạt giải Khuyến khích cấp Quận Cuộc thi “Viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt trong phong trào thi đua yêu nước năm 2023” (Đ/c Dương Huyền Trang - GV Âm nhạc).

02 đ/c là gương điển hình tiên tiến tiêu biểu được phát hiện qua Cuộc thi “Viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt trong phong trào thi đua yêu nước năm 2023” (Đ/c Hà Thị Yên Hoa – GV Tin học; Nguyễn Thị Oanh - NV Y tế).

*** Về học sinh:** Nhiều học sinh đạt giải cao các cấp (**Tổng: 129 giải các cấp**).

- Cấp Quốc gia: Có 23 giải.

+ Thi vẽ tranh chào mừng kỉ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ: 01 giải Ba;

+ Thi Tiếng Anh IOE Quốc tế : 01 giải Ba, 06 giải Khuyến khích;

+ Thi TA Hippo Quốc tế : 01 giải Vàng, 03 giải Bạc, 01 giải Khuyến khích;

+ Thi Toán Quốc tế Cemmo, Timo, Asmo: 04 giải Bạc, 02 giải Đồng, 02 giải Khuyến khích.

+ Cuộc thi Em Vẽ trường học hạnh phúc: 01 giải Triển vọng, 01 giải Thông điệp Ý Nghĩa.

- Cấp Thành phố: Có 29 giải

+ Thi Tin học Quốc tế: 02 giải Ba, 01 giải KK;

+ Thi Trạng Nguyên Toàn tài cấp Tiểu học: 06 giải Vàng; 05 giải Bạc; 01 giải Đồng;

+ Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt: 02 giải Nhì; 03 giải Ba; 03 giải KK;

+ Thi Violympic Toán, TV: 06 giải KK.

- Cấp Quận: Có 77 giải

5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
9	Nhân viên bảo vệ	4						4						
10	Nhân viên lao công	3						3						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	29/29	1.3 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.3 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5334,2	5,3 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1961	2 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	2010	2,38 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học chính (m ²)	1508	1,3 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	110	0,1 m ² /học sinh
4	Diện tích phòng nghệ thuật (m ²)	52	1.3 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	52	1.3 m ² /học sinh
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	77	1.9 m ² /học sinh
7	Diện tích phòng công nghệ (m ²)	52	1.3 m ² /học sinh
8	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	26	0.7 m ² /học sinh
9	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	26	0.7 m ² /học sinh

10	Diện tích phòng hoạt động Đội (m ²)	26	0.7 m ² /học sinh
11	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	52	0.5m ² /học sinh
12	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	288	0,27 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		
1.1	Khối lớp 1	42	7
1.2	Khối lớp 2	36	6
1.3	Khối lớp 3	30	5
1.4	Khối lớp 4	30	5
1.5	Khối lớp 5	26	6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
1.1	Khối lớp 1	0	0
1.2	Khối lớp 2	0	0
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	0	0
1.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	34	0.03 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	10	0, 37 thiết bị/lớp
2	Cát xét	2	0,1 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	0,1 thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	27	1 thiết bị/lớp
5	Máy tính văn phòng	6	
6	Máy tính xách tay	5	
7	Máy in	10	
8	Máy photo	2	
9	Máy điều hòa	80	2, thiết bị/ lớp
10	Cammera	34	
11	Cammera thiết bị quay dạy học	10	
12	Máy scan	01	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	100 m ²
XI	Nhà ăn	200 m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	0	16	0	0, 2 m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	27 phòng 1300 m ²	1000	1,1 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã triển khai tới 100% GV, NV nội dung và cách đánh giá theo thông tư 17/2018/TT-BGDĐT.

Thực hiện xây dựng kế hoạch theo đúng biểu mẫu; Thành lập tổ kiểm định chất lượng và các tổ công tác. Thực hiện công tác kiểm định đang thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo đầy đủ các minh chứng phục vụ công tác kiểm định chất lượng. Các minh chứng đang được mã hóa, lưu hồ sơ cụ thể. Năm học 2023-2024, nhà trường vẫn giữ vững trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, nhà trường giữ vững 4 tiêu chuẩn: Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, công tác xã hội hoá giáo dục, hoạt động và chất lượng giáo dục. Các nội dung về KĐCL, trường chuẩn Quốc gia được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng tiến độ.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

* Đối với khối: 1,2,3,4

Đơn vị: học sinh

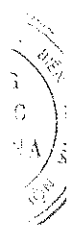
STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4
I	Tổng số học sinh	835	230	185	194	226
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	835	230	185	194	226
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất.	835	230	185	194	226
A	Số học sinh chia theo năng lực chung	835	230	185	194	226
I	Tự chủ và tự học	835	230	185	194	226
a	Tốt	502 60,1%	132	115	130	125
b	Đạt	333 39,9%	98	70	64	101
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
2	Giao tiếp và hợp tác	835	230	185	194	226
a	Tốt	523 62,6%	141	115	130	137
b	Đạt	312 37,4%	89	70	64	89
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	835	230	185	194	226
a	Tốt	460 55,1%	126	101	120	113
b	Đạt	375 44,9%	104	84	74	113
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
B	Số học sinh chia theo năng lực đặc thù					
I	Ngôn ngữ	835	230	185	194	226
a	Tốt	475 56,9%	141	98	111	125
b	Đạt	360 43,1%	89	87	83	101
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
2	Tính toán	835	230	185	194	226
a	Tốt	528 63,2%	151	111	127	139
b	Đạt	307 36,8%	79	74	67	87
c	Cố gắng	0	0	0	0	0

TP
TIẾ
THA

3	Tin học	418			193	225
a	Tốt	194 46%			90	104
b	Đạt	224 54 %			103	121
c	Cố gắng				0	0
4	Công nghệ	420			194	226
a	Tốt	263 62,6%			127	136
b	Đạt	157 37,4 %			67	90
c	Cố gắng				0	0
5	Khoa học	835	230	185	194	226
a	Tốt	530 63,5%	153	114	135	128
b	Đạt	305 36,5%	77	71	59	98
c	Cố gắng	0		0	0	0
C	Thâm mĩ	835	230	185	194	226
I	Tốt	391 46,8%	107	81	90	113
a	Đạt	111 53,2%	123	104	104	113
b	Cố gắng	0	0	0	0	0
c	Thể chất	835	230	185	194	226
2	Tốt	375 44,9%	98	76	79	122
a	Đạt	460 55,1%	132	109	115	104
b	Cố gắng	0	0	0	0	0
c	Số học sinh chia theo phẩm chất					
3	Yêu nước	835	230	185	194	226
a	Tốt	621 74%	170	138	144	169
b	Đạt	214 25,6 %	60	47	50	57
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
3	Nhân ái	835	230	185	194	226
a	Tốt	626 75%	171	139	145	171
b	Đạt	209 25%	59	46	49	55

c	Cố gắng	0	0	0	0	0
3	<i>Chăm chỉ</i>	835	230	185	194	226
a	Tốt	566 67,8%	168	135	139	124
b	Đạt	269 32,2%	62	50	55	102
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
IV	<i>Trung thực</i>	835	230	185	194	226
1	Tốt	622 74,5%	175	137	147	163
a	Đạt	213 25,5%	55	48	47	63
b	Cố gắng	0	0	0	0	0
c	<i>Trách nhiệm</i>	835	230	185	194	226
2	Tốt	483 57,8%	127	103	120	133
a	Đạt	353 42,2%	103	82	74	93
b	Cố gắng	0	0	0	0	0
c	Số học sinh chia theo Chất lượng Giáo dục	835	230	185	194	226
3	Tiếng Việt	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	457 54,8%	143	94	111	109
b	Hoàn Thành	378 45,2%	87	91	83	117
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
4	Toán	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	514 61,6%	150	109	127	128
b	Hoàn Thành	321 38,4%	80	76	67	98
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
8	Đạo Đức	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	588 70,4%	153	124	140	171

b	Hoàn Thành	247 29,6%	77	61	54	55
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
9	Tự nhiên và xã hội	609	230	185	194	
a	Hoàn Thành tốt	408 67%	153	120	135	
b	Hoàn Thành	201 33%	77	65	59	
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	357 42,8 %	105	77	81	94
b	Hoàn Thành	478 57,2%	125	108	113	132
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	362 43,5%	54	79	84	98
b	Hoàn Thành	472 56,5%	45	106	110	128
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
10	Thể dục	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	337 40,4%	98	70	79	90
b	Hoàn Thành	498 59,6%	132	115	115	136
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
11	HĐTN	835	230	185	194	226
a	Hoàn Thành tốt	539 70,1%	148	118	127	146
b	Hoàn Thành	186 29,9%	83	67	66	79
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
12	Công Nghệ	420			194	226
a	Hoàn Thành tốt	262 62,4%			127	135
b	Hoàn Thành	158 37,6%			67	91
c	Chưa hoàn thành	0			0	0
13	Tin học	420			194	226
a	Hoàn Thành tốt	184 43,8%			89	95



b	Hoàn Thành	236 56,2%			105	131
c	Chưa hoàn thành	0			0	0
14	Ngoại ngữ	420			193	225
a	Hoàn Thành tốt	214 51%			99	115
b	Hoàn Thành	206 49%			95	111
c	Chưa hoàn thành				0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	835	230	185	194	226
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	788 94,%	224	164	178	222
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	45	4	14	14	13
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

* Đối với khối: 5

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	189
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	189
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất.	189
A	Số học sinh chia theo năng lực	189
I	Tự phục vụ, tự quản	189
a	Tốt	123 65,1%
b	Đạt	66 34,9%
c	Cố gắng	0
2	Hợp tác	189
a	Tốt	131 69,3%
b	Đạt	58 30,7%
c	Cố gắng	0
3	Tự học và giải quyết vấn đề	189
a	Tốt	69 36,5%

b	Đạt	120 63,5%
c	Cố gắng	0
B	Số học sinh chia theo phẩm chất	189
1	<i>Chăm học, chăm làm</i>	189
a	Tốt	133 70,4%
b	Đạt	56 29,6%
c	Cố gắng	0
2	<i>Tự tin, trách nhiệm</i>	189
a	Tốt	69 36,5%
b	Đạt	120 63,5%
c	Cố gắng	0
3	<i>Trung thực, kỷ luật</i>	189
a	Tốt	146 77,5%
b	Đạt	43 22,8%
c	Cố gắng	0
4	<i>Đoàn kết, yêu thương</i>	189
a	Tốt	156 82,5%
b	Đạt	33 17,5%
c	Cố gắng	0
IV	Số học sinh chia theo Chất lượng Giáo dục	189
1	Tiếng Việt	189
a	Hoàn Thành tốt	84 44,5%
b	Hoàn Thành	105 55,6%

c	Chưa hoàn thành	0
2	Toán	189
a	Hoàn Thành tốt	109 57,7%
b	Hoàn Thành	80 42,3%
c	Chưa hoàn thành	0
3	Đạo Đức	189
a	Hoàn Thành tốt	133 70,4%
b	Hoàn Thành	56 29,6%
c	Chưa hoàn thành	0
4	Kỹ thuật	189
a	Hoàn Thành tốt	129 68,3%
b	Hoàn Thành	60 31,7%
c	Chưa hoàn thành	0
5	Khoa học	189
a	Hoàn Thành tốt	127 67,2%
b	Hoàn Thành	62 32,8%
c	Chưa hoàn thành	0
6	Lịch sử và Địa lí	189
a	Hoàn Thành tốt	96 50,8%
b	Hoàn Thành	93 49,2%
c	Chưa hoàn thành	0
7	Tin học	189
a	Hoàn Thành tốt	70 37%
b	Hoàn Thành	119 63%
c	Chưa hoàn thành	
8	Âm nhạc	189
a	Hoàn Thành tốt	81 42,9%
b	Hoàn Thành	108 57,1%

c	Chưa hoàn thành	0
9	Mĩ thuật	189
a	Hoàn Thành tốt	83 43,9%
b	Hoàn Thành	106 56,1%
c	Chưa hoàn thành	0
10	Thể dục	189
a	Hoàn Thành tốt	71 37,6%
b	Hoàn Thành	118 62,4%
c	Chưa hoàn thành	0
11	Ngoại Ngữ	189
a	Hoàn Thành tốt	75 39,7%
b	Hoàn Thành	114 60,3%
c	Chưa hoàn thành	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	189
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	143
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	4
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

1. Các đề tài nghiên cứu SKKN trong năm

TT	Tên đề tài	Tác giả
1	Một số kinh nghiệm giúp học sinh lớp 4 nhớ từ vựng Tiếng Anh nhanh.	Nguyễn Thị Huyền
2	Một số kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh tham gia thi Tài năng Tin học trẻ quốc tế thành phố Hà Nội	Hà Thị Yên Hoa
3	Một số biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh lớp 4 thông qua sản phẩm Mỹ thuật tái chế	Nguyễn Thị Phương Dung
4	Một số kinh nghiệm dạy học môn Toán lớp 2	Hoàng Thị Ngọc Ánh

	theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm tạo hứng thú cho học sinh.	
5	Một số biện pháp bồi dưỡng học sinh năng khiếu giải Toán qua Internet lớp 2.	Nguyễn Thị Lụa
6	Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh lớp 4	Trịnh Thu Trang

3. Kết quả công bố SKKN.

TT	Kết quả	Số lượng
1	SKKN đạt cấp trường	6
2	SKKN đạt cấp Quận	5
3	SKKN đạt cấp Thành phố	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
A	B	1	2	3
	TỔNG CỘNG	5,498,600	9,372,386	
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5,498,600	5,498,600	
I	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	5,498,600	5,498,600	
1	Quỹ tiền lương (LTT: 1210)	2,571,526	2,972,129	
	<i>Thanh toán cá nhân</i>	2,571,526	2,972,129	
6000	Tiền lương	1,592,178	1,642,298	
6050	Tiền công			
6100	Phụ cấp lương	678,010	828,677	
6300	Các khoản đóng góp	301,338	501,154	
2	Kinh phí chi hoạt động	2,927,074	2,526,471	
	<i>Thanh toán cá nhân</i>	529,734	218,400	
6000	Tiền lương			
6050	Tiền công	212,160	218,400	
6100	Phụ cấp lương	189,057		
6250	Phúc lợi tập thể	77,600		
6300	Các khoản đóng góp	50,917		
6400	Chênh lệch Thu Chi			
	<i>Nhiệm vụ chuyên môn</i>	2,232,848	1,312,69	

6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	272,480	115,923	
6550	Vật tư văn phòng	173,500	130,958	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	78,000	59,236	
6650	Hội nghị	68,000	1,127	
6700	Công tác phí	26,700	3,600	
6750	Chi phí thuê mướn	766,951	761,965	
6900	Sửa chữa TX tài sản	133,900	44,650	
6950	Mua sắm	408,180		
7000	Chi phí nghiệp vụ CM	265,137	163,790	
7050	Mua, bảo trì phần mềm	40,000	31,400	
	Các khoản chi khác	164,492	38,873	
7750	Chi khác	164,492	38,873	
7950	Chi lập các quỹ		956,549	
7951	Trích lập quỹ BS thu nhập, Ôn định thu nhập		618,850	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi, khen thưởng		238,590	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng		25,499	
7954	Trích lập quỹ PTSN		73,610	
II	10% kinh phí chi TX tiết kiệm thực hiện CCTL + kinh phí cấp bổ sung TH CCTL năm 2021			
III	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ			
B	CÁC KHOẢN THU TẠI ĐƠN VỊ	-	3,873,786	
1	Học 2 buổi/ngày		483,613	
2	Chăm sóc bán trú		617,737	
3	Trang TB CSVC BT		62,783	
4	Tiếng Anh liên kết		268,655	
5	STEM		94,250	
6	Tiền ăn Bán trú		2,226,896	
7	Quỹ Đội		15,485	
8	Tiền nước uống HS		40,660	
9	Tiền điện điều hòa		16,372	
10	Tiền CSSKBD (BHYT)		42,766	
11	Kỹ năng sống, câu lạc bộ		4,569	

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy:

- Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy: Bám sát sự chỉ đạo của Quận ủy, PGD&ĐT, nhà trường đã xây dựng, triển khai, tổ chức tuyên truyền đến 100% CBGVNV, HS, CMHS bài bản, thường xuyên để thấm đến từng CBGVNV, HS. BGH thường xuyên kiểm tra; duy trì họp giao ban, đánh giá, sâu sát hàng ngày, rút kinh nghiệm đồng thời đưa ra giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo. Nhà trường tiếp tục triển khai, thực hiện phong trào “Hành động vì nhà trường học xanh - sạch - đẹp - văn minh - hạnh phúc”. Năm học 2023-2024, nhà trường được đoàn kiểm tra cấp Quận xếp loại đạt mức 1.

2. Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh:

Nhà trường nghiêm túc triển khai dạy bộ tài liệu “Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh” cho học sinh theo chỉ đạo của Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục an ninh, quốc phòng trong một số môn học theo Kế hoạch 3664/KH-SGDĐT 16/8/2018 của Sở GD&ĐT Hà Nội.

Để dạy các tiết đạt hiệu quả cao nhất, học sinh biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống, nhà trường đã lên chuyên đề thống nhất trong từng khối cách khai thác bài cũng như phương pháp dạy sao cho tiết học nhẹ nhàng, không gây áp lực cho học sinh. Ngoài các tiết theo PPCT, BGH chỉ đạo lồng ghép trong các tiết học ở môn học khác linh hoạt phù hợp.

3. Giáo dục kỹ năng sống, công tác phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trường học:

Nhà trường thực hiện dạy lồng ghép trong các bộ môn, tổ chức trong các tiết HĐNGCK. Đối với công tác phòng chống TNTT, nhà trường chỉ đạo dạy trong các tiết HĐNGCK theo chỉ đạo của phòng GD&ĐT, lồng ghép trong các môn học, tuyên truyền hình thức video trong các tiết chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp.

Trong năm học qua, nhà trường thực hiện tốt các nội dung trên và đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị Quận công nhận “Trường học an toàn-phòng chống tai nạn thương tích năm học 2023-2024”.

4. Công tác y tế học đường:

Nhà trường quan tâm, xây dựng, triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm, thường xuyên tuyên truyền tới HS việc theo dõi sức khỏe trong thời gian học tập trực tuyến, bổ sung đủ cơ số thuốc tại tủ thuốc phòng y tế của nhà trường. Các điều kiện về vệ sinh môi trường đảm bảo đúng quy định, môi trường sạch sẽ, trong lành, thu gom và xử lý rác thải tốt.

Đội ngũ CB, GV, NV thực hiện chăm sóc sức khỏe học sinh có đầy đủ kiến thức chăm sóc HS, kiến thức ATTP và đảm bảo sức khỏe theo quy định.

Công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm được phòng y tế kiểm tra đánh giá 100/100 điểm xếp loại xuất sắc

5. Các hoạt động về thể dục, thể thao:

Nhà trường đã thực hiện tốt chương trình nội khóa do Sở, phòng chỉ đạo. Chỉ đạo GV Thể dục đổi mới phương pháp dạy học, linh hoạt ứng dụng các phần mềm, sử dụng hiệu quả các clip, video hướng dẫn học sinh luyện tập trong dạy học trực tuyến, khai thác hiệu quả đồ dùng dạy học, nhà thể chất, vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp bộ môn khi dạy học trực tiếp. Nhà trường đã kiện toàn, phân công rõ trách nhiệm từng thành viên trong Hội đồng Giáo dục thể chất.

Duy trì câu lạc bộ: bóng rổ, cầu lông cho học sinh. Nhà trường tổ chức ngày Hội thiếu nhi khỏe cùng tiến bước lên Đoàn và Hội khỏe Phù Đổng cấp trường.

6. Công tác Đoàn, Đội:

Bám sát văn bản chỉ đạo của Quận đoàn, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động Đội của liên đội, phát động các đợt thi đua cụ thể trong năm học. Tổ chức Đoàn, Đội tổ chức tốt chương trình học tập, rèn luyện lối sống, lý tưởng đạo đức cho đoàn viên thanh niên GV.

Tổ chức các đợt thi đua, các hoạt động NGCK, các hoạt động ngoại khóa, ... nhằm góp phần giáo dục đạo đức cho HS. Mỗi đợt thi đua có sơ, tổng kết, khen thưởng kịp thời. Liên đội tổ chức tốt công tác tuyên truyền theo các nội dung từng tuần, các hoạt động cụ thể theo từng tháng.

Liên đội đang hoàn thiện hồ sơ để công nhận Liên đội mạnh cấp Quận.

7. Công tác kiểm tra nội bộ trường học:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đủ nội dung, khoa học, đúng quy định, bám sát nhiệm vụ năm học. Thành lập ban kiểm tra và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban kiểm tra. Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng tại phòng hội đồng nhà trường. Hàng tháng thực hiện đúng hoặc điều chỉnh hợp lý kế hoạch đề ra, lưu đầy đủ hồ sơ kiểm tra và khắc phục tồn tại sau tự kiểm tra. Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về Phòng GD&ĐT trong sơ kết công tác tháng.

Báo cáo sơ kết và tổng kết công tác kiểm tra nội bộ đúng thời gian quy định. Nhà trường không để xảy ra đơn thư vượt cấp.

8. Kết quả công tác ứng dụng CNTT, thực hiện một phần mô hình trường học điện tử:

Nhà trường thực hiện ứng dụng CNTT trong điều hành và quản lý giáo dục: 100% văn bản điều hành, kế hoạch, báo cáo, thông báo, giấy mời, công văn được gửi qua mạng. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy: Phần mềm quản lý tài chính - kế toán, PM quản lý tài sản công, PM quản lý nhân sự, PM phổ cập giáo dục, EMIS, PM quản lý HS, PM quản lý thư viện. Đảm bảo triển khai, sử dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy và học tập; 100% cán bộ, GV nhà trường sử dụng phần mềm, kho học liệu điện tử dùng chung, khai thác cơ sở kho dữ liệu của trường, của ngành hỗ trợ đổi mới phương pháp. Sẵn sàng tiếp nhận và triển khai các phần mềm mới theo yêu cầu của PGD và của quận Long Biên.

Đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị CNTT và truyền thông: Tăng cường sử dụng hạ tầng thiết bị CNTT phục vụ cho ứng dụng CNTT và dạy môn tin học một cách hiệu quả và thiết thực.

+ Thực hiện nề nếp công tác bảo trì máy tính và các thiết bị CNTT, thực hiện ghi chép đầy đủ các thông tin vào sổ sách theo dõi máy móc của trường. Phân công rõ trách nhiệm của CBGVNV trong việc khai thác sử dụng và bảo quản máy tính.

+ Triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất AT, AN và sao lưu dữ liệu.

Thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT: Phân công cán bộ viên chức phụ trách CNTT trong nhà trường; mỗi tổ nhóm chuyên môn có giáo viên nòng cốt về ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Tổ chức quán triệt và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT. Tổ chức có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học, đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng theo hướng thiết thực, cập nhật, ưu tiên sử dụng phần mềm mã nguồn mở, khai thác thông tin trên Internet, giới thiệu những địa chỉ hay, có ích với giáo viên. Chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ứng dụng CNTT cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên. Nội dung bồi dưỡng là các kỹ năng cơ bản (soạn thảo văn bản, khai thác Internet, sử dụng thư điện tử, phần mềm trình chiếu...), biết ứng dụng CNTT trong công tác, giảng dạy. Xây dựng các chuyên đề có ứng dụng CNTT trong dạy học: Hàng tháng tổ chức các chuyên đề khai thác, vận hành trang thiết bị CNTT, kho học liệu ... trong các phòng học và tổ chức rút kinh nghiệm sau các buổi chuyên đề.

Ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy và học

+ Tổ chức hướng dẫn cụ thể cho giáo viên sử dụng các trang thiết bị CNTT đã được đầu tư tại các phòng học vào quá trình dạy học nhằm kích thích sự sáng tạo, độc lập suy nghĩ, tăng cường khả năng tự học, tự tìm tòi của HS.

+ 100% bài hội giảng, thi dạy giỏi của giáo viên được sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học, ứng dụng CNTT.

+ Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, trong đó có sử dụng phương tiện CNTT một cách hợp lý, nhằm nâng cao chất lượng bài giảng.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên sử dụng Internet tại nhà trường, các giáo viên tích cực, chủ động tham khảo và sử dụng các phần mềm ứng dụng tích hợp vào các môn học trên website để cùng chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi học tập.

+ Tích cực triển khai soạn bài giảng điện tử bằng các phần mềm công cụ E-Learning theo chuẩn quốc tế SCORM. Huy động giáo viên tham gia đóng góp các bài trình chiếu, bài giảng E-Learning.

Có định hướng viết tin bài, quy định cập nhật tin bài, thường xuyên hoạt động trang thông tin điện tử (Lớp 1), thường xuyên đăng tin tức, sự kiện, hoạt động, tạo các chuyên mục đúng qui định. Trang thông tin điều hành nội bộ

(Lớp 2): 100% CBGV có tài khoản đăng nhập; Cập nhật đầy đủ các thông tin phục vụ quản lý, điều hành nội bộ của đơn vị.

* **Kết quả:** Mỗi GV có ít nhất 2 bài giảng điện tử/1 tháng được đưa lên cổng thông tin điện tử nhà trường, lưu kho học liệu. 100% GV đứng lớp sử dụng thành thạo giáo án powerpoint, máy tính, máy chiếu đa vật thể. Nhà trường đã đầu tư mua bản quyền Violet 1.9 cho 100% GV sử dụng. 100% các tiết dự thi GVG cấp trường, cấp Quận đều ứng dụng CNTT.

9. Việc thực hiện QCDC:

Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện QCDC nghiêm túc đúng theo qui trình các bước và thông qua tại HNCBCC tháng 10. Ban chấp hành CD phối hợp với ban TTND giám sát chặt chẽ việc triển khai, thực hiện QCDC, hàng tháng có báo cáo, đánh giá thông qua Hội đồng sư phạm. Triển khai thực hiện nghiêm túc 2 bộ quy tắc ứng xử của Thành phố và Thông tư 06/2019/TT-BGD&ĐT về quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT.

Nội bộ đoàn kết, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

10. Thực hiện 3 công khai trong trường học:

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện 3 công khai theo TT 36/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT và Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; Tổ chức quán triệt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm vững nội dung Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Hiệu trưởng thực hiện nghiêm túc nội dung công khai, luôn tạo sự đồng thuận, nhất trí cao với cán bộ giáo viên trong trường và lực lượng giáo dục.

Các thành viên trong nhà trường cùng tích cực thực hiện và giám sát nhau để đảm bảo công khai đúng và hiệu quả; Đa dạng hóa các hình thức công khai. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện công khai trong nhà trường. Lưu giữ đầy đủ các minh chứng về công khai. Kết quả công khai được đánh giá trong báo cáo tháng, công khai cổng thông tin nhà trường.

11. Công tác quản lý tài chính, tài sản:

Nhà trường thực hiện thu chi theo đúng văn bản hướng dẫn của UBND quận, phòng GD&ĐT, Phòng tài chính, xây dựng kế hoạch công khai chế độ thu chi thể hiện rõ trong qui chế chi tiêu nội bộ.

Việc công khai tài chính, công khai sử dụng tài sản công, nhà trường thực hiện theo thông tư số 36/20/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Công khai theo hình thức công bố trong các kỳ họp HĐSP của nhà trường. Niêm yết công khai tại phòng HĐSP. Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

12. Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong CBGV, NV; Số CB, GV-NV vì phạm:

Với quan điểm thống nhất từ tư tưởng đến hành động, BGH rất quan tâm đến công tác tuyên truyền và thực hiện đầy đủ các chủ trương chính sách của đảng, Nhà nước, của Ngành tới toàn thể CB, GV, NV, học sinh. Công tác triển khai thực hiện song song với giám sát, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

Trong năm học, nhà trường không có CBGVNV nào vi phạm.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Phương